

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 100/2007/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 07 năm
1998

về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha
rừng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2006/QH11 Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 10 về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trong giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 07 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng:

I. SỬA ĐỔI ĐIỀU 3 NHƯ SAU:

Điều 3. Nhiệm vụ của Dự án trong giai đoạn 2006 - 2010:

1. Nhiệm vụ chung:

a) Về quản lý, bảo vệ rừng:

- Đối với rừng đặc dụng: những diện tích được quy định bảo vệ nghiêm ngặt nhưng từ lâu đã có dân sinh sống cần di chuyển dân ra khỏi diện tích bảo vệ nghiêm ngặt, trường hợp không có điều kiện di chuyển dân ra thì phải có phương án và đầu tư cụ thể nhằm ổn định đời sống của dân không để phá rừng. Trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt chỉ giao khoán cho dân những nơi chưa có đủ lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của Nhà nước;

- Đối với rừng phòng hộ: tăng cường các biện pháp để bảo vệ bằng được vốn rừng tự nhiên hiện có. Chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế, lâm sản dưới tán rừng trong các khu rừng phòng hộ để người dân có thể được hưởng lợi trong khoán bảo vệ rừng phòng hộ. Giảm dần diện tích khoán bảo vệ rừng; các Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện khoán bảo vệ cho dân ở những nơi khó khăn, có nguy cơ bị đe dọa cao mà chưa có khả năng hưởng lợi từ rừng. Khu vực biên giới xa dân, rừng có nguy cơ bị xâm hại cao có thể giao hoặc khoán bảo vệ cho các đơn vị Bộ đội Biên phòng, Công an. Tập trung đẩy mạnh việc giao rừng cho cộng đồng dân cư, các hộ gia đình, tạo điều kiện để các hộ gia đình, cộng đồng thôn bản gắn việc quản lý bảo vệ và hưởng lợi làm động lực phát triển rừng;

- Đối với rừng sản xuất: các chủ rừng phải tự tổ chức lực lượng bảo vệ rừng; các hộ gia đình vừa tự bảo vệ, vừa dựa vào cộng đồng để bảo vệ rừng. Lực lượng kiểm lâm và chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm xử lý các hành vi xâm hại đến rừng sản xuất của mọi thành phần kinh tế để bảo đảm giữ nghiêm kỷ cương luật pháp và tạo sự an tâm đầu tư của các chủ rừng.

b) Xây dựng và phát triển rừng

- Rừng đặc dụng: rà soát lại quy hoạch các khu rừng đặc dụng, rà soát lại các phân khu chức năng trong các khu rừng đặc dụng; ổn định quy mô diện tích rừng đặc dụng khoảng 2 triệu ha. Diện tích quy hoạch là rừng đặc dụng nhưng chưa có rừng, nếu cần phục hồi lại rừng thì thực hiện biện pháp khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng là chính; đặc biệt chú ý phát triển lâm sản ngoài gỗ tạo thu nhập cho người dân sinh sống trong vùng rừng đặc dụng (ngoài vùng bảo vệ nghiêm ngặt);

- Rừng phòng hộ: ổn định quy mô diện tích rừng phòng hộ cả nước khoảng 6 triệu ha. Diện tích đất quy hoạch cho rừng phòng hộ nhưng chưa có rừng thì biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng là chính, nơi không đủ điều kiện tái sinh mới phải trồng rừng. Ưu tiên đầu tư cho các dự án vùng phòng hộ chắn sóng, chắn cát bay và phòng hộ biên giới. Tất cả mọi thành phần kinh tế đều được tham gia vào việc bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ và được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật;

- Rừng sản xuất: điều chỉnh khoảng 3 triệu ha (bao gồm cả rừng tự nhiên, rừng trồng và đất trống, đồi núi trọc) trước đây quy hoạch là rừng phòng hộ nhưng sau rà soát không bảo đảm tiêu chí chuyển sang rừng sản xuất để giao, cho thuê đối với các tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân sản xuất kinh doanh lâu dài theo quy định của pháp luật. Giải quyết triệt để vấn đề đất đai ở từng địa phương để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, có quy mô vừa và lớn nhằm bảo đảm nguyên liệu cho chế biến lâm sản. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết và thành lập các hợp tác xã lâm nghiệp. Sử dụng các biện pháp lâm sinh tổng hợp để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, tiến tới quản lý bảo vệ và khai thác rừng bền vững, lấy rừng nuôi rừng:

+ Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên: tiến hành xây dựng phương án điều chế rừng, khai thác theo phương thức quản lý rừng bền vững;

+ Đối với rừng tự nhiên nghèo kiệt: tiến hành làm giàu rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng bằng cách trồng bổ sung những loài cây gỗ có giá trị kinh tế và lâm sản ngoài gỗ hoặc tiến hành cải tạo rừng, trồng lại bằng những loài cây có giá trị kinh tế cao hơn;

+ Đối với rừng sản xuất là rừng trồng hiện có: ngoài việc khai thác và trồng lại rừng, khuyến khích việc đầu tư chăm sóc và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng trồng cung cấp gỗ lớn cho chế biến đồ mộc dân dụng, hàng mỹ nghệ xuất khẩu và các nhu cầu chế biến khác;

+ Đối với đất trống quy hoạch trồng rừng sản xuất: đẩy mạnh trồng rừng theo phương thức thâm canh để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gỗ lớn, gỗ nhỏ cho công

nghiệp chế biến và gỗ gia dụng; khuyến khích gây trồng các loại cây đa mục đích và lâm sản ngoài gỗ. Sử dụng nguồn giống có chất lượng cao để tăng năng suất rừng trồng.

Đổi mới công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khuyến lâm trong trồng rừng và bảo vệ rừng. Tập trung việc cải thiện giống cây rừng có năng suất cao, chu kỳ ngắn đi đôi với các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tiên tiến để nâng cao năng suất rừng trồng. Hoàn thiện quy trình, quy phạm kỹ thuật lâm sinh và cung cấp thông tin thị trường. Tăng cường hoạt động của hệ thống khuyến lâm ở cơ sở đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

- Rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng, xác định lâm phần ổn định trên bản đồ và đóng mốc ranh giới 3 loại rừng trên thực địa;
- Rà soát, hoàn thành việc giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp cho các chủ rừng (cộng đồng dân cư, hộ gia đình, tổ chức và doanh nghiệp);
- 100% các thôn, xã có rừng có tổ bảo vệ rừng, có cán bộ kiểm lâm địa bàn và được đào tạo;
- 100% khu rừng phòng hộ và rừng đặc dụng có chủ quản lý (tổ chức nhà nước, tư nhân hoặc cộng đồng) và có quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trung, dài hạn;
- 100% các đơn vị sản xuất kinh doanh rừng tự nhiên xây dựng, thực hiện và giám sát, đánh giá phương án điều chế rừng;
- Khoán quản lý bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn của các Ban quản lý rừng: 1,5 triệu ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: 800.000 ha, trong đó: khoanh nuôi chuyển tiếp: 400.000 ha; khoanh nuôi mới: 400.000 ha;
- Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ: 250.000 ha; bình quân mỗi năm trồng 50.000 ha;
- Trồng rừng sản xuất: 750.000 ha, bình quân mỗi năm trồng 150.000 ha.

Tổng vốn đầu tư: 15.000 tỷ đồng, trong đó:

- + Ngân sách nhà nước: 5.000 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 1.000 tỷ đồng;